

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển Việt Nam
giai đoạn 2016-2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thủy sản;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển Việt Nam giai đoạn 2016-2025” (*Bản Kế hoạch chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao cho Tổng cục Thủy sản chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan ở Trung ương và địa phương tổ chức thực hiện và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ và đột xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố TW;
- Các cơ quan khoa học, quản lý CITES;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố TW;
- Công báo, Website Bộ;
- Các Vụ, Cục, Thanh tra, VP thuộc Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS (08b). *165*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tâm

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG BẢO TỒN RỪA BIỂN VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2016-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 811/QĐ-BNN-TCTS ngày 14 tháng 03 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn, bảo vệ hiệu quả, bền vững các quần thể rùa biển và nơi sinh cư của chúng tại Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2016-2020:

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ, bảo tồn rùa biển;

- Cải tiến, ứng dụng các ngư cụ khai thác hải sản để bảo vệ rùa biển: 100% tàu câu cá ngư sử dụng lưới câu vòng; Thiết bị tránh rùa trong nghề lưới rê được thử nghiệm, ít nhất 3% số tàu lưới kéo sử dụng thiết bị thoát rùa (TED);

- 100% các bãi đẻ tự nhiên của rùa biển được đầu tư bảo vệ;

- 01 Vườn quốc gia (Vườn quốc gia Côn Đảo) trở thành thành viên Mạng lưới các khu bảo tồn rùa biển IOSEA (The IOSEA Marine Turtle Site Network);

- 02 Trạm cứu hộ rùa biển được thành lập và hoạt động hiệu quả tại Bà Rịa - Vũng Tàu và Khánh Hòa;

- 100% cán bộ, nhân viên các khu bảo tồn biển, các Vườn quốc gia có hợp phần bảo tồn biển được tập huấn về công tác bảo tồn rùa biển;

- 100% cộng đồng dân cư bên trong và xung quanh các khu bảo tồn biển/Vườn quốc gia có hợp phần bảo tồn biển; 100% thuyền trưởng các tàu làm nghề lưới kéo, lưới rê, lưới vây và câu cá ngư đại dương được tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo vệ, bảo tồn rùa biển;

- Cơ sở dữ liệu về rùa biển được xây dựng và hoạt động có hiệu quả tại Tổng cục Thủy sản.

b) Giai đoạn 2020-2025:

- Ít nhất 5% số tàu nghề lưới rê và 10% số tàu nghề lưới kéo sử dụng thiết bị thoát rùa (TED);

- 100% nơi sinh cư của rùa biển được bảo vệ;



- Hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế, chính sách bảo tồn rùa biển phù hợp với Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học;

- Cơ sở dữ liệu về rùa biển được hoàn thiện, kết nối từ Tổng cục Thủy sản tới các Vườn quốc gia, khu bảo tồn biển và các Chi cục Thủy sản địa phương;

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ 1: Giảm thiểu các tác nhân gây tử vong cho rùa biển

a) Định kỳ kiểm tra, xác định các điểm nóng về khai thác rùa biển có chủ ý, mua bán, vận chuyển và giết mổ rùa biển;

b) Áp dụng kỹ thuật, cải tiến ngư cụ khai thác hải sản giảm thiểu tử vong cho rùa biển (sử dụng lưới câu vòng C-hook...);

c) Thiết lập các vùng cấm khai thác có thời hạn để bảo vệ khu vực sinh sản, nơi sinh cư của rùa biển;

d) Tăng cường phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan (Thủy sản, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Cảnh sát môi trường, Bộ đội Biên phòng, Quản lý thị trường, Hải quan...) trong công tác tuần tra, thanh tra, kiểm tra bảo vệ, bảo tồn rùa biển.

2. Nhiệm vụ 2: Thiết lập, quản lý, bảo vệ khu vực sinh sản, nơi sinh cư của rùa biển

a) Bảo vệ, cứu hộ trứng rùa biển:

- Bảo tồn nguyên trạng các bãi đẻ hiện tại của rùa biển, tập trung các khu vực sau: Bái Tử Long và Cô Tô – Thanh Lân (Quảng Ninh), Hải Lăng (Quảng Trị), Núi Chúa (Ninh Thuận), Cam Lâm (Khánh Hòa), Hòn Khô – Hải Giang (Bình Định), Hòn Cau (Bình Thuận), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu) và Thổ Chu (Kiên Giang);

- Tiếp tục điều tra, khảo sát các bãi đẻ của rùa biển tại vùng ven biển Việt Nam, đặc biệt chú trọng các khu vực đảo xa bờ;

- Thiết lập và hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo vệ nơi ấp trứng của rùa biển;

- Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra định kỳ việc bảo vệ và quản lý các bãi đẻ rùa biển. Tổ chức các khóa tập huấn kỹ thuật bảo vệ và quản lý bãi đẻ cho các cán bộ tham gia công tác bảo vệ rùa biển;

- Xây dựng mô hình điểm khu bảo tồn rùa biển, khu ấp trứng rùa biển theo tiêu chuẩn quốc tế tại Côn Đảo;

- Thí điểm áp dụng mô hình đồng quản lý tại các khu bảo tồn biển, các vườn quốc gia, các khu vực rùa biển lên đẻ.

b) Bảo vệ nơi sinh cư, cứu hộ rùa biển

- Điều tra khảo sát định kỳ xác định khu vực phân bố, số lượng, cấu trúc độ tuổi và thành phần loài của rùa biển; xây dựng và cập nhật bản đồ nơi sinh cư của rùa biển trong vùng biển Việt Nam;

- Tổ chức các lớp tập huấn về bảo vệ và quản lý rùa biển tại các khu vực là nơi sinh cư của rùa biển;



- Hoàn thiện mạng lưới các khu bảo tồn biển theo Quyết định 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống bảo tồn biển đến 2020;

- Khuyến khích các biện pháp bảo vệ thích hợp những nơi sinh cư của rùa biển nằm ngoài phạm vi quản lý hành chính của các khu bảo tồn biển;

- Theo dõi, giám sát, đánh giá tác động của các hoạt động kinh tế ven biển, các chất ô nhiễm từ tàu thuyền và các hoạt động khác ảnh hưởng xấu đến bãi đẻ và nơi sinh cư của rùa biển, kịp thời đề xuất các biện pháp xử lý.

c) Phục hồi bãi đẻ, nơi sinh cư của rùa biển bị suy thoái

- Tiến hành các hoạt động làm sạch bãi biển nhằm loại bỏ rác thải và các nguồn ô nhiễm tạo điều kiện cho rùa biển lên đẻ và con non trở về biển;

- Từng bước phục hồi các nơi sinh cư của rùa biển tại các khu bảo tồn biển và khu vực lân cận, ưu tiên thực hiện tại các khu vực: Bạch Long Vỹ (Hải Phòng), Phú Quý (Bình Thuận), Phú Quốc (Kiên Giang) và quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa).

d) Bảo tồn nguyên trạng các bãi biển thường xuyên xuất hiện rùa biển hoặc các bãi biển có khả năng có rùa biển lên đẻ

- Điều tra, giám sát, đánh giá các bãi biển thường xuyên xuất hiện rùa biển và các bãi có khả năng có rùa lên đẻ;

- Phối hợp với các cấp, ngành địa phương trong việc đề xuất đưa một số bãi biển có rùa lên đẻ trứng và đưa ra khỏi quy hoạch phát triển kinh tế hoặc lồng ghép với mục tiêu phát triển kinh tế nhưng không được gây tác động trực tiếp lên nguyên trạng bãi biển đó bằng bất kỳ hình thức nào.

3. Nhiệm vụ 3: Xây dựng và hoàn thiện văn bản quản lý nhà nước về bảo tồn, bảo vệ rùa biển; Nghiên cứu và quan trắc các đặc điểm sinh học, sinh thái học của rùa biển.

a) Xây dựng và hoàn thiện văn bản quản lý nhà nước về bảo tồn, bảo vệ rùa biển;

b) Tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm sinh học, sinh thái học của rùa biển và nơi sinh cư của chúng;

c) Triển khai các chương trình đánh dấu (đeo thẻ) theo dõi rùa biển lên đẻ trứng tại các bãi đẻ, theo dõi rùa biển di cư bằng thiết bị theo dõi vệ tinh;

d) Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đối với các bãi đẻ và nơi sinh cư của rùa biển;

đ) Nghiên cứu các biện pháp quản lý các bãi đẻ trên cơ sở đặc điểm sinh học của từng loài rùa biển;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu về rùa biển.

4. Nhiệm vụ 4: Nâng cao nhận thức của cộng đồng và năng lực chuyên môn cho các cán bộ chuyên trách về bảo tồn rùa biển

a) Xây dựng và triển khai chương trình nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ chuyên trách: Quản lý khai thác thủy sản, Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát biển, Cảnh

sát môi trường và cộng đồng về các chính sách pháp luật hiện hành liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và các loài động thực vật hoang dã quý hiếm, đặc biệt là rùa biển;

b) Nâng cao nhận thức cho các nhóm trọng điểm: người kinh doanh, buôn bán các sản phẩm thủy sản, cộng đồng dân cư sống ven biển, học sinh, sinh viên, khách du lịch, cán bộ quản lý thị trường...;

c) Biên soạn các tài liệu giáo dục về bảo tồn rùa biển và phổ biến các tài liệu này trong các trường học (các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học), khách du lịch, cộng đồng cư dân ven biển;

d) Xây dựng các tài liệu khoa học phục vụ công tác tuyên truyền như các phim tài liệu khoa học, áp phích, ảnh chụp về rùa biển và nơi sinh cư;

đ) Đào tạo các cán bộ chuyên sâu về bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó có bảo tồn rùa biển, trước mắt ưu tiên cho cán bộ làm việc tại các khu bảo tồn biển.

5. Nhiệm vụ 5: Tăng cường hợp tác trong khu vực và quốc tế

a) Tăng cường hợp tác với các nước, đặc biệt với các nước trong khu vực Đông Nam Á nhằm kiểm soát hoạt động buôn bán bất hợp pháp rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển; nghiên cứu, đánh giá tính khả thi và thiết lập khu bảo tồn rùa biển liên biên giới; chia sẻ thông tin về công tác bảo tồn rùa biển;

b) Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức hợp tác song phương, đa phương về bảo tồn rùa biển với các quốc gia, tổ chức quốc tế và khu vực;

c) Tham gia các Công ước, Thỏa thuận quốc tế về bảo tồn, bảo vệ rùa biển và đảm bảo việc thực hiện đầy đủ cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế (Công ước CITES, Công ước CMS, Công ước Đa dạng Sinh học, Bản Ghi nhớ IOSEA).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản; trong đó có các quy định về bảo vệ, bảo tồn rùa biển và nơi sinh cư của chúng;

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế tài chính bền vững, chính sách huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn rùa biển;

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện đồng quản lý trong bảo tồn rùa biển.

2. Khoa học công nghệ

- Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm bổ sung thông tin về đặc điểm sinh học, sinh thái, biến động quần thể...), đề xuất cơ chế và giải pháp bảo tồn và phát triển quần thể rùa biển;

- Nghiên cứu cơ sở khoa học, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong quản lý và bảo tồn rùa biển; tập trung vào những đề tài nghiên cứu có tính đột phá về quản lý nguồn gen.



3. Đào tạo, giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức

- Xây dựng và thực hiện chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo tồn rùa biển;

- Khuyến khích các đơn vị đào tạo trong nước, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế tham gia, phối hợp và tài trợ các hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức thực hiện công tác bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản;

- Tăng cường đào tạo, giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức thông qua nhiều hình thức, cụ thể:

+ Biên soạn, in ấn các ấn phẩm tuyên truyền về công tác bảo tồn rùa biển;

+ Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc bảo tồn rùa biển, nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ rùa biển và nơi sinh cư của chúng;

+ Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ, bảo tồn rùa biển, nâng cao ý thức, trách nhiệm của ngư dân khai thác, chủ tàu, thuyền trưởng các tàu cam kết không đánh bắt bất hợp pháp rùa biển, chủ động bảo vệ rùa biển khi bắt gặp rùa biển thông qua các cuộc tập huấn ngắn hạn tại cộng đồng;

+ Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, xã hội, trường học, tôn giáo... tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền về công tác bảo tồn rùa biển;

+ Hàng năm tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức thực hiện công tác bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản.

4. Xã hội hóa công tác bảo tồn rùa biển

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tư nhân tham gia thực hiện công tác bảo tồn rùa biển nhằm huy động các nguồn lực khu vực tư nhân, các cộng đồng dân cư ven biển, các tổ chức trong và ngoài nước (bao gồm các tổ chức phi chính phủ) để thu thập, quản lý, bảo vệ, bảo tồn rùa biển...

- Xây dựng các mô hình quản lý, bảo vệ rùa biển dựa vào cộng đồng. Phát triển lực lượng tham gia bảo vệ, bảo tồn rùa biển hiệu quả từ các tình nguyện viên, cộng tác viên tại các địa phương và khách du lịch.

5. Hợp tác quốc tế

- Tích cực tham gia các Công ước, Thỏa thuận quốc tế và khu vực liên quan đến bảo tồn rùa biển;

- Đa dạng hóa các hình thức hợp tác với các nước trong lĩnh vực bảo tồn rùa biển để học tập, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, tài chính;

- Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu trong lĩnh vực bảo tồn rùa biển, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, vận động sự hỗ trợ (tài chính và kỹ thuật), thu hút vốn đầu tư vào các dự án bảo tồn và phát triển rùa biển;

- Tăng cường hợp tác trong việc thu thập, xử lý và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo tồn rùa biển;

- Thực hiện việc ngăn ngừa, chống buôn bán rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển giữa các nước trong đó thiết lập đầu mối liên lạc quốc gia về chống buôn bán, vận chuyển trái phép qua biên giới các loài rùa biển.

6. Đầu tư

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của các Trung tâm, Viện nghiên cứu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học về rùa biển.

- Đầu tư xây dựng 02 Trạm cứu hộ rùa biển tại Bà Rịa - Vũng Tàu và Khánh Hòa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được phân công và danh mục các nhiệm vụ ưu tiên của Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển giai đoạn 2016-2025, các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị thuộc các Bộ, ngành, các địa phương, các cơ quan, các tổ chức liên quan triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí nhiệm vụ ưu tiên thực hiện được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí; đề xuất và triển khai thực hiện các hoạt động bảo tồn rùa biển.

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Tổng cục Thủy sản:

- Tổng cục Thủy sản là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các đơn vị, cơ quan thuộc các Bộ, ngành, các tổ chức trong nước và quốc tế xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động thực hiện Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển Việt Nam giai đoạn 2016 - 2025.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thực hiện Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển Việt Nam giai đoạn 2016 - 2025 trong phạm vi cả nước.

- Hàng năm kiểm tra, giám sát và đánh giá việc triển khai Kế hoạch hành động, định kỳ báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu, đưa nội dung bảo tồn rùa biển vào nội dung các kỳ họp của Ban Chỉ đạo Chương trình Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản để được định hướng, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện Kế hoạch. Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch hành động vào năm 2020 và Hội nghị tổng kết thực hiện Kế hoạch hành động bảo vệ rùa biển vào năm 2025.

b) Tổng cục Lâm nghiệp:

- Chỉ đạo Cơ quan quản lý CITES Việt Nam chủ động phối hợp với Tổng cục Thủy sản và các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng tự nhiên và tình trạng buôn bán rùa biển tại Việt Nam;

- Chỉ đạo các Vườn quốc gia có Hợp phần bảo tồn biển chủ động xây dựng và thực hiện các hoạt động bảo tồn rùa biển trong phạm vi Vườn quốc gia.

c) Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính:

Chủ trì thẩm định các dự án, đề tài liên quan đến thực hiện nội dung Kế hoạch hành động bảo tồn rùa biển và tham mưu việc bố trí kinh phí triển khai các nội dung của Kế hoạch.

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường:

Chỉ đạo việc đề xuất các dự án, đề tài nghiên cứu phục vụ công tác bảo tồn rùa biển, trong đó nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào hoạt động khai thác hải sản góp phần hạn chế việc đánh bắt rùa không chủ ý.

d) Viện Nghiên cứu Hải sản:

Chủ trì xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án liên quan đến bảo tồn rùa biển, nghiên cứu, cải tiến công nghệ khai thác nhằm giảm tỷ lệ khai thác rùa không chủ ý, tích cực phối hợp với các đơn vị chức năng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp nông thôn mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước đưa các công nghệ tiên tiến vào công tác bảo vệ rùa biển.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố ven biển:

Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản gồm bảo tồn rùa biển, trong đó tham mưu nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố phê duyệt cấp kinh phí.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chỉ đạo các Sở, ban ngành và các tổ chức tại địa phương phối hợp với Vườn quốc gia, khu bảo tồn biển, Chi cục Thủy sản thực hiện hiệu quả các nội dung Kế hoạch.

Thí điểm và phát triển các mô hình đồng quản lý trong công tác bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản nói chung và bảo tồn rùa biển nói riêng.

Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trong đó có bảo tồn rùa biển và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

f) Các Vườn quốc gia/Khu bảo tồn biển:

Chủ động xây dựng và trực tiếp thực hiện các hoạt động bảo tồn rùa biển, bố trí đủ nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn rùa biển. Lồng ghép hoạt động bảo tồn rùa biển vào các hoạt động chung của Vườn quốc gia, của khu bảo tồn biển.

g) Các Hội, Hiệp hội, Nghiệp đoàn nghề cá:



Tăng cường năng lực và tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các thành viên của Hội, Hiệp hội, Nghiệp đoàn về tầm quan trọng của công tác bảo tồn rùa biển và các quy định pháp luật có liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản, trong đó có rùa biển.

h) Các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến bảo tồn rùa biển:

Các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến bảo tồn rùa biển phối hợp với các đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Kế hoạch hành động, chủ động đề xuất các hoạt động, dự án bảo tồn rùa biển, hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật cho các hoạt động bảo tồn rùa biển giai đoạn 2016-2025.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí cho các nội dung Kế hoạch hành động quốc gia bảo tồn rùa biển được bố trí từ ngân sách nhà nước, tài trợ của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế.

- Khuyến khích, huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính từ cộng đồng quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư để triển khai các nội dung của Kế hoạch. DM

Phụ lục

DANH SÁCH DỰ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN THỰC HIỆN (2016-2025)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8M /QĐ-BNN-TCTS ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Đơn vị (trillion VND)

TT	Tên dự án/chương trình ưu tiên	Mục đích	Giai đoạn thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Tổng kinh phí	Vốn ngân sách		Vốn từ tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ	Ghi chú
						Ngân sách TW	Ngân sách địa phương		
A	Giai đoạn 2016-2020								
1	Dự án xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về rùa biển và nơi sinh và nơi sinh cư	Cơ sở dữ liệu về rùa biển và nơi sinh cư được thiết lập và cập nhật hàng năm.	2016 - 2020	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	4.500	1.000	3.500		- Vốn sự nghiệp môi trường được sử dụng thiết lập cơ sở dữ liệu. - Sự nghiệp kinh tế được sử dụng để cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm. - Tài trợ của các tổ chức IUCN, WWF, ENV, TRAFFIC...
1.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu rùa biển được thiết lập	2016 - 2017	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	1.500	500	1.000		Sự nghiệp môi trường (Lồng ghép nhiệm vụ, kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy hải sản thuộc Đề án 47).
1.2	Cập nhật cơ sở dữ liệu	Dữ liệu về rùa biển được cập nhật hàng năm và được đăng tải trên website	2016 - 2020	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	3.000	500	2.500		Sự nghiệp kinh tế. Tài trợ của các tổ chức IUCN, WWF.

2	Chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển	Nâng cao nhận thức của người dân, học sinh, sinh viên và cán bộ địa phương về vai trò và giá trị của rùa biển, tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc đánh bắt, buôn bán, vận chuyển rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển.	2016 - 2020	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	8.200	1.100	6.000	1.100	Phối hợp với các chương trình đào tạo, truyền thông của IUCN, WWF, ENV, TRAFFIC ...
2.1	Xây dựng Chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển	Chương trình truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực được phê duyệt	2016 - 2017	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	1.200	100	1.000	100	Sự nghiệp kinh tế; Tài trợ của các tổ chức IUCN, WWF
2.2	Thực hiện Chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển	Chương trình được triển khai hàng năm, nhận thức và hành động bảo vệ rùa biển của các bên có liên quan được nâng cao.	2016 - 2020 (Nhiệm vụ thường xuyên)	Tổng cục Thủy sản	7.000	1.000	5.000	1.000	Sự nghiệp kinh tế; Ngân sách địa phương; Phối hợp với các chương trình đào tạo, truyền thông của IUCN, WWF, ENV, TRAFFIC ...
3	Dự án điều tra, đánh giá, lập bản đồ hiện trạng về rùa biển, nơi sinh cư và đề xuất các giải pháp bảo tồn rùa biển.	Xác định và lập được bản đồ hiện trạng về số lượng, nơi sinh cư, bãi đẻ, bãi ấp trứng của rùa biển, đánh giá thực trạng công tác quản lý và đề xuất các giải pháp bảo tồn rùa biển	2016 - 2017	Tổng cục Thủy sản	2.500	2.500			Sự nghiệp môi trường
4	Thiết lập các khu bảo vệ rùa biển và phục hồi nơi sinh cư tiêu biểu của rùa biển	Các khu bảo vệ rùa biển và nơi sinh cư tiêu biểu của rùa biển được thiết lập và bảo vệ, các hoạt động bảo tồn rùa biển và nơi sinh cư tiêu biểu được thực hiện và quản lý có hiệu quả	2018 - 2020	Các địa phương, Tổng cục Thủy sản	15.500	1.000	13.000	1.500	Sự nghiệp kinh tế; ngân sách địa phương; tài trợ của IUCN WWF.

020

4.1	Thiết lập các khu bảo vệ rùa biển	Các khu vực bảo vệ rùa biển (nơi sinh cư, bãi đẻ, bãi ấp ươm, đường di cư) được xác định và thiết lập cơ chế bảo vệ	2018 - 2020	Các địa phương	8.000	8.000	8.000		Ngân sách địa phương
4.2	Triển khai chương trình bảo tồn rùa biển và nơi sinh cư tiêu biểu của rùa biển	Chương trình bảo tồn rùa biển được xây dựng và triển khai đồng bộ từ Trung ương tới địa phương một cách hiệu quả nhằm bảo vệ rùa biển và các sinh cảnh có liên quan	2018 - 2020	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	7.500	5.000	1.000	1.500	Sự nghiệp kinh tế; ngân sách địa phương; tài trợ của IUCN WWF
5	Theo dõi đường di cư và khu vực tập trung kiếm ăn của các quần thể rùa biển bằng thiết bị định vị vệ tinh	Quản lý số lượng và xác định đường di cư của các loài rùa biển; đề xuất các biện pháp bảo vệ, bảo tồn, hướng dẫn khai thác thủy sản giảm tỷ lệ rùa biển bị đánh bắt không chủ ý.	2017 - 2020 (hàng năm)	Tổng cục Thủy sản;	1.600	800	800	800	Sự nghiệp kinh tế; tài trợ của IUCN, WWF. (Lồng ghép với các nội dung, nhiệm vụ kinh phí thực hiện chống khai thác bất hợp pháp IUU, CITES, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và Nghị định 32, 33/CP).
6	Tăng cường các biện pháp ngăn chặn đánh bắt không chủ ý, đánh bắt có chủ ý và buôn bán rùa biển tại Việt Nam	Giảm thiểu số lượng rùa biển bị đánh bắt, buôn bán thông qua việc áp dụng các giải pháp kỹ thuật, kiểm tra, giám sát, thanh tra.	2017 - 2020 (hàng năm)	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	4.400	2500	700	1.200	Sự nghiệp kinh tế; Tài trợ của IUCN, WWF.
6.1	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan tới bảo tồn rùa biển	Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan tới bảo tồn rùa biển được rà soát, đánh giá và đề xuất các các văn bản cần sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường hiệu quả quản lý công tác bảo tồn rùa biển.	2016	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	800	500	100	200	Ngân sách nhà nước; Tài trợ của IUCN, WWF.

01/11

6.2	Điều tra, đánh giá, giám sát và áp dụng các biện pháp giảm thiểu rửa biển bị đánh bắt không chủ ý từ các nghề khai thác hải sản	Giảm thiểu số lượng rửa biển bị đánh bắt, cũng như tỷ lệ chết, bị thương do khai thác không chủ ý từ các nghề khai thác thủy sản.	2017 - 2020 (hàng năm)	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	900	200	500	200	Sự nghiệp kinh tế; tài trợ của IUCN, WWF.
6.3	Tăng cường các biện pháp kiểm tra, thanh tra ngân ngữ đánh bắt cố chủ ý và buôn bán rửa biển tại Việt Nam.	Giảm thiểu số lượng rửa biển bị đánh bắt chủ ý và buôn bán rửa biển tại Việt Nam.	2017 - 2020 (hàng năm)	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	2.700	400	1.500	800	Sự nghiệp kinh tế; IUCN, WWF, CITES, ENV, TRAFFIC Lồng ghép các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hàng năm
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển rửa biển	Cơ sở khoa học, công nghệ ứng dụng, các biện pháp kỹ thuật liên quan tới bảo tồn quần thể và nơi sinh cư của rửa biển được nghiên cứu tạo cơ sở cho việc đề xuất các chính sách, giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn rửa biển	2017 - 2020	Tổng cục Thủy sản,	6.000	5.500	500	500	Sự nghiệp khoa học
7.1	Đánh giá tác động của các nghề khai thác thủy sản xa bờ đến các quần thể rửa biển và đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động.	Tác động của các nghề khai thác hải sản tới quần thể rửa biển được xác định và các giải pháp giảm thiểu được đề xuất (phương pháp khai thác thân thiện với rửa biển, cải tiến ngư cụ khai thác)	2017 - 2018	Tổng cục Thủy sản,	2.000	1.500	500	500	Sự nghiệp kinh tế; tài trợ của IUCN, WWF.
7.2	Nghiên cứu các đặc điểm sinh học và sinh thái học của các quần thể rửa biển tại vùng biển Việt Nam và đề	Có được những thông tin khoa học về đặc điểm sinh học và sinh thái học của rửa biển để xuất các giải pháp nhằm	2019 - 2020	Tổng cục Thủy sản,	2.500	2.500			Sự nghiệp khoa học

Đã

	<i>tồn rùa biển</i>	<i>vệ rùa biển của các bên có liên quan được nâng cao.</i>							Chương trình đào tạo, truyền thông của IUCN, WWF, ENV, TRAFFIC
3	Dự án cấp nhật điều tra, đánh giá, lập bản đồ hiện trạng về rùa biển, nơi sinh cư và đề xuất các giải pháp bảo tồn rùa biển.	Cấp nhật thông tin hiện trạng số lượng, nơi sinh cư, bãi đẻ, bãi ấp trứng, đánh giá thực trạng công tác quản lý, đề xuất các giải pháp bảo tồn rùa biển, nơi sinh cư.	2021 - 2025 (<i>Nhiệm vụ thường xuyên</i>)	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	6.500	1.500	5.000		Sự nghiệp kinh tế
4	Thiết lập các khu bảo vệ rùa biển và phục hồi nơi sinh cư tiêu biểu của rùa biển	Các khu bảo vệ rùa biển và nơi sinh cư tiêu biểu của rùa biển được thiết lập; các hoạt động bảo tồn rùa biển và nơi sinh cư tiêu biểu được quản lý, bảo vệ một cách hiệu quả	2021 - 2025	Tổng cục Thủy sản,	7.500	1.000	5.000	1.500	Sự nghiệp kinh tế; ngân sách địa phương; tài trợ của IUCN WWF
	Triển khai chương trình bảo tồn rùa biển và nơi sinh cư tiêu biểu của rùa biển	Chương trình bảo tồn rùa biển được xây dựng và triển khai đồng bộ từ Trung ương tới địa phương một cách hiệu quả; rùa biển và nơi sinh cư liên quan được bảo vệ hiệu quả.	2021 - 2025	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	7.500	1.000	5.000	1.500	Sự nghiệp kinh tế; ngân sách địa phương; tài trợ của IUCN WWF
5	Theo dõi đường đi cư và khu vực tập trung kiếm ăn của các quần thể rùa biển bằng thiết bị định vị vệ tinh	Quản lý số lượng và xác định đường đi cư của các loài rùa biển; đề xuất các biện pháp bảo vệ, bảo tồn, hướng dẫn khai thác thủy sản giảm tỷ lệ rùa biển bị đánh bắt không chủ ý.	2021 - 2025 (<i>hàng năm</i>)	Tổng cục Thủy sản;	6.500	500	5.000	1.000	Sự nghiệp kinh tế; tài trợ của IUCN, WWF.
6	Tăng cường các biện pháp ngăn chặn đánh bắt không chủ ý, đánh bắt có chủ ý và	Giảm thiểu số lượng rùa biển bị đánh bắt, buôn bán thông qua việc áp dụng các giải pháp kỹ thuật, kiểm tra, giám	2021 - 2025 (<i>hàng năm</i>)	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	2.500	500	1.500	500	Sự nghiệp kinh tế; Tài trợ của IUCN, WWF.

	buôn bán rùa biển tại Việt Nam	sát, thanh tra.									Sự nghiệp kinh tế, IUCN, WWF, CITES ENV, TRAFFIC Lồng ghép các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hàng năm
	Tăng cường các biện pháp kiểm tra, thanh tra ngăn ngừa đánh bắt có chủ ý và buôn bán rùa biển tại Việt Nam	Giảm thiểu số lượng rùa biển bị đánh bắt chủ ý và buôn bán rùa biển tại Việt Nam.	2021 - 2025 (hàng năm)	Tổng cục Thủy sản, các địa phương	2.500	500	1.500	500			500
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển rùa biển	Cơ sở khoa học, công nghệ ứng dụng, các biện pháp kỹ thuật liên quan tới bảo tồn quần thể và nơi sinh cư của rùa biển được nghiên cứu tạo cơ sở cho việc đề xuất các chính sách, giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả quản lý và bảo tồn rùa biển	2021 - 2025	Tổng cục Thủy sản,	6.000	6.000					Sự nghiệp khoa học
	Nghiên cứu cho sinh sản nhân tạo và xây dựng quy trình tạo nguồn giống một số loài rùa biển (Đồi mới, Rùa da, Vích)	Hoàn thiện quy trình tạo giống một số loài rùa biển (Đồi mới, Rùa da, Vích) để tái tạo và bổ sung quần thể rùa biển vào tự nhiên.	2024 - 2025	Tổng cục Thủy sản,	6.000	6.000					Sự nghiệp khoa học

26